

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày: 27-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Thúy Hà.

Bà Hà Thị Vũ.

Ông Dương Phong Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lường Văn T (Tên gọi khác: Không) sinh năm 1967 tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản X, xã Y, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn H (Sinh năm 1921) và bà Lường Thị Y (Đã chết); có vợ là Quàng Thị T1 (Sinh năm 1966) và 03 con; tiền án: 01 tiền án, ngày 31/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 04 năm 6 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, ngày 23/01/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống; tiền sự: Không; nhân thân: Đã 01 lần bị kết án, chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2019 cho đến nay. Có mặt.

2. Vi Văn P (Tên gọi khác: Không) sinh năm 1968 tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản M, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn A (Đã chết) và bà Vi Thị L (Đã chết); có vợ là Lò Thị L1 (Sinh năm 1975) và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh L (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đ) xử phạt 07 năm tù về tội Tổ

chức sử dụng trái phép chất ma túy, năm 2004 đã chấp hành xong hình phạt, chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2019 cho đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T: Bà Nguyễn Thị Thu H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 40 phút và 12 giờ 50 phút ngày 12/12/2019 tại nhà của Lương Văn T ở bản X, xã Y, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và nhà của Vi Văn P ở bản M, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, tổ công tác Công an huyện Đ, tỉnh Điện Biên đã phát hiện bắt quả tang và thu giữ của Lương Văn T tổng số 103,68 gam Heroine và 14,58 gam Methamphetamine, nguồn gốc số ma túy đó là do T mua được của người phụ nữ sinh sống tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào với giá 33 triệu đồng, T đã trả trước 17 triệu đồng. Sau khi mua được ma túy T đã bán cho Vi Văn P 1 cục Heroine nhỏ với giá 200.000 đồng để P sử dụng, khối lượng ma túy tổ công tác Công an huyện Đ thu giữ tại nhà Vi Văn P là 0,28 gam Heroine.

Tại bản Kết luận giám định số 11/GĐ-PC09 ngày 19/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 03 (Ba) mẫu chất bột màu trắng ký hiệu M1, M3, M4 trích ra từ vật chứng thu giữ của Lương Văn T gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine.

- 02 (Hai) mẫu viên nén màu hồng ký hiệu M2, M5 trích ra từ vật chứng thu giữ của Lương Văn T gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lương Văn T gồm: 103,68 gam chất bột màu trắng và 14,58 gam viên nén màu hồng.

- Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, Mục IA, danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-Cp ngày 15/5/2018.

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản Kết luận giám định số 10/GĐ-PC09 ngày 19/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- Mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Vi Văn P gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Vi Văn P là 0,28 gam.

- Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, Mục IA, danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-Cp ngày 15/5/2018.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-P1 ngày 12/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lương Văn T ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại

điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Vì Văn P để xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Vì Văn P phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn T mức án 20 năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vì Văn P mức án tù từ 12 đến 18 tháng tù

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Vì Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn T.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên. Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Lương Văn T của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống, trình độ học vấn của bị cáo. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố đẻ là Lương Văn H được tặng thưởng Huân huy chương kháng chiến hạng nhì nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lường Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-P1 ngày 12/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và bản luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra được ghi nhận tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

Do là người thường xuyên sử dụng chất ma túy nên vào ngày 11/12/2019 qua trao đổi với người phụ nữ tên T2 sống ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Lường Văn T đã mua được của người phụ nữ này 103,96 gam Heroine và 14,58 gam Methamphetamine với giá 33 triệu đồng, T đã trả được 17 triệu đồng và số tiền còn lại hẹn khi nào bán được ma túy sẽ trả nốt. Sau khi mua được ma túy Lường Văn T mang về nhà cất giấu đến khoảng 09 giờ ngày 12/12/2019 Lường Văn T đã bán cho Vì Văn P 01 gói nhỏ Heroine với giá 200.000 đồng. Sau khi bắt Lường Văn T cùng toàn bộ vật chứng của vụ án, tổ công tác Công an huyện Đ đã tiếp tục bắt và thu giữ của Vì Văn P 01 gói Heroine có khối lượng 0,28 gam, nguồn gốc số ma túy thu giữ của Vì Văn P là do P mua của Lường Văn T về để sử dụng.

Vật chứng thu giữ của Lường Văn T bao gồm 103,68 gam Heroine và 14,58 gam Methamphetamine cùng 0,28 gam Heroine đã bán cho Vì Văn P. Tổng khối lượng ma túy Lường Văn T đã tham gia mua bán là 103,96 gam Heroine và 14,58 gam Methamphetamine. Vật chứng thu giữ của Vì Văn P là 0,28 gam Heroine.

Do đó Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Lường Văn T đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Vì Văn P đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Kết luận của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

[2] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Hành vi mua bán trái phép 103,96 gam Heroine và 14,58 gam Methamphetamine của bị cáo Lường Văn T là đặc biệt nghiêm trọng đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi cất giấu 0,28 gam Heroine của bị cáo Vì Văn P là rất nghiêm trọng đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Lường Văn T đã bị kết án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” nhưng chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội mới nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vì Văn P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi bị bắt các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lương Văn T có bố đẻ là Lương Văn H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên căn cứ tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều đã bị đưa ra xét xử về các tội phạm liên quan đến ma túy. Song các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội nên cần phải xử phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T về mức án đối với bị cáo Lương Văn T là có căn cứ, cần chấp nhận. Đối với bị cáo Vì Văn P Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng mức hình phạt phù hợp để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, theo quy định khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy nghề nghiệp chính của bị cáo làm ruộng, không có nguồn thu nhập nào khác, điều kiện kinh tế gia đình còn gặp khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Đ, Công an tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về xử lý vật chứng cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý như sau:

- Đối với số ma túy là vật chứng vụ án còn lại sau khi trừ mẫu giám định và chiếc cân điện tử đã cũ không còn giá trị sử dụng cần bị tịch thu tiêu hủy .

- Đối với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Lương Văn T là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135,136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lương Văn T cư trú tại địa bàn đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Vì Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Những vấn đề liên quan khác: Trong vụ án theo lời khai của bị cáo Lường Văn T có đối tượng tên T2 sống ở bản Huổi Lói, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào là người bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo T không biết rõ nhân thân, lại lịch, địa chỉ cụ thể của đối tượng này nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra, xác minh làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lường Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo Vì Văn P phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt:

- Áp điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lường Văn T 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 12/12/2019).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vì Văn P 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 12/12/2019).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

** Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 (một) gói niêm phong bằng phong bì niêm phong vật chứng của Công an huyện Điện Biên trong đó chứa 02 mẫu (M2, M5) là Methamphetamine có tổng khối lượng 14,09 gam và 03 mẫu (M1, M3, M4) là Heroine có tổng khối lượng 102,57 gam.

- 01 (một) gói niêm phong bằng phong bì niêm phong của Công an huyện Đ trong đó có chứa 0,19 gam Heroine.

- 01 (Một) cân điện tử màu đen, trên mặt cân có in dòng chữ màu trắng ghi: POCKET SCALE. (Cân đã cũ).

** Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:* Tổng số tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) gồm: 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng đựng trong 01 phong bì niêm phong bì thư của bưu điện.

(Theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 13/3/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn T, bị cáo Vì Văn P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/4/2020).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn